TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày: 25-02-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Bé Thi.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Đức và ông Nguyễn Thành Phước.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Lương Quốc Danh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 12-02-2025 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1999 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Phượng H; bị cáo có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22-7-2023 trong vụ án khác, sau đó chấp hành án tại Trại Giam K – Bộ C. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1974. Nơi cư trú: khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Vũ Thị N, sinh năm 1968. Nơi cư trú: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt);

- Bà Đặng Thị Mỹ H1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993. Nơi cư trú: khóm T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Phượng H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng:

- Chị Thị Hồng G, sinh năm 2004. Nơi ở hiện tại: Trại giam Đ2 – Bộ C (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Thanh Đ1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt);

- Anh Trần Thanh H2, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt);

- Chị Trần Thị B, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Anh Lê Văn D, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22-7-2023, Nguyễn Thanh V điều khiển xe mô tô biển số 67M1- 440.34 chở Thị Hồng G đến khu vực ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang thực hiện việc lấy trộm xe mô tô biển số 68D1-246.15 của Nguyễn Tuyết N1 bị bắt quả tang. Quá trình điều tra, V, G khai nhận còn thực hiện nhiều vụ lấy trộm xe mô tô trên địa bàn huyện H, tỉnh Kiên Giang và huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi lấy trộm được xe mô tô, V đem về nhà ở ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang cất giấu và V sử dụng điện thoại di động lên trang "Làm giấy tờ xe uy tín, ship toàn quốc" của mạng xã hội Facebook thuê người không rõ nhân thân làm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; biển số xe mô tô giả để bán, cầm và sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ ngày 28/02/2023, V thuê xe honda khách của người không rõ nhân thân, chở đến khu vực kênh G, ở xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang lấy trộm xe mô tô biển số 67D1-596.91 của Lê Văn D, trong cốp xe có căn cước công dân và nhiều giấy tờ khác tên Lê Văn D chạy về cất giấu tại ấp T, xã M, huyện T. Sau đó, V thuê làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 67M1-355.55 tên Nguyễn Thanh V và 01 biển số 67M1-355.55, với số tiền

1.230.000 đồng. Xong, V kêu bán cho người không rõ nhân thân ở huyện T, tỉnh An Giang được 15.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 02-5-2023, với cách thức thủ đoạn như trên V đến khu vực ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang, lấy trộm xe mô tô biển số 67M1-115.67 của Trần Thị B. V thuê làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 053341, tên chủ xe Nguyễn Thanh V, biển số 67M1-115.67 số tiền 1.000.000 đồng, V đem giấy tờ giả và xe mô tô đến tiệm cầm đồ "Đức Phượng" của Trần Ngọc P ở khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang cầm được 6.500.000 đồng. Khoảng hơn 01 tháng, Nguyễn Văn Đ điện thoại cho V hỏi mua lại xe mô tô biển số 67M1-115.67, V đồng ý. Đen đưa V 8.000.000 đồng để chuộc xe và cho V 500.000 đồng. Đến ngày 19-3-2024, Trần Thị B phát hiện Đ đang điều khiển xe mô tô của Ba bị mất nên trình báo Công an xã T, huyện T, tỉnh An Giang thu giữ xe mô tô biển số 67M1-115.67 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

Vụ thứ ba: Khoảng 07 giờ ngày 28-6-2023, V mượn xe mô tô của người bạn chưa xác định rõ nhân thân chở G cùng 02 người con của V đến khu vực xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang lấy trộm xe mô tô hiệu Wave màu xanh điều khiển về đến khu vực ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, V phát hiện xe mô tô biển số 68D1-009.07 của Đào Văn D1 nên V bỏ lại xe mô tô Wave, lấy xe mô tô của D1 đem về, kiểm tra trong xe có nhiều giấy tờ tên Đào Văn D1. V tiếp tục thuê làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 68D1-001.01 tên Lê Văn D và 01 biển số 68D1-001.01 số tiền 1.230.000 đồng. Sau đó, V lấy hình của V dán lên hình trong thẻ căn cước công dân của D đem đến tiệm phô tô không rõ tên ở khu vực thị trấn Ó, huyện T thuê phô tô thành 02 bản, số tiền 5.000 đồng, nhưng không nói cho chủ tiệm phô tô biết để mục đích phạm tội. V đem xe cùng giấy căn cước công dân phô tô, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả tên Lê Văn D bán cho Nguyễn Thành T1 ở khóm T, thị trấn Ó, huyện T được 6.000.000 đồng. Sau đó, T1 bán xe lại cho Đào Duy T2 được 10.000.000 đồng và T2 bán lại cho Lê Thạnh T3 được 12.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Cách ngày 28-6-2023 khoảng 05 ngày, V sử dụng xe mô tô trộm được của D1 đã thay biển số 68D1-001.01 chở G cùng 02 con đến khu vực xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, lấy trộm xe mô tô biển số 67H1-243.14 chưa xác định chủ sở hữu. V thuê làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 67M1-440.34 mang tên Nguyễn Thanh V và 01 biển số 67M1-440.34 số tiền 1.230.000 đồng. Sau đó, V lấy biển số giả 67M1-440.34 gắn vào xe mô tô này làm phương tiện đi trộm trong thời gian tìm người bán xe.

Vụ thứ năm: Khoảng 08 giờ ngày 09-7-2023, V điều khiển xe mô tô gắn biển số giả 67M1-440.34 chở Gấm cùng 02 con đến khu vực kênh Q, ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, V lấy trộm xe mô tô biển số 68D1-157.55 của Nguyễn Thanh Đ1. V thuê làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 67M1-190.79 mang tên Lê Thị Phượng H (mẹ của V) và 01 biển số 67M1-190.79 số tiền 1.230.000 đồng. V lấy biển số giả 67M1-190.79 gắn vào xe mô tô trộm được cùng giấy căn cước công dân Lê Thị Phượng H và căn cước công dân phô tô tên Lê Văn D dán hình của V mang đến tiệm cầm đồ "Nga 2" của Vũ Thị N ở khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cầm được 5.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 13 giờ ngày 11-7-2023, V điều khiển xe mô tô gắn biển số giả 67M1-440.34 chở Gấm cùng 02 con đến khu vực ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang, V lấy trộm xe mô tô biển số 67N1- 307.58 của Trần Thanh H2. V thuê làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 67M1-800.69 mang tên Lê Thị Phượng H (mẹ của V) và 01 biển số 67M1-800.69 số tiền 1.230.000 đồng. Sau đó, V lấy biển số giả 67M1-800.69 gắn vào xe mô tô trộm được cùng giấy căn cước công dân Lê Thị Phượng H đến tiệm cầm đồ "Ba Hải" của Đặng Thị Mỹ H1 ở khóm T, thị trấn Ó, huyện T cầm được 10.000.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 09 giờ ngày 16-7-2023, V điều khiển xe mô tô gắn biển số giả 67M1-440.34 chở Gấm cùng 02 con đến kênh N, ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, V lấy trộm xe mô tô biển số 67M1-689.75 của Nguyễn Thị Y đem về nhà cất giấu và gắn biển số giả 68T1-175.63 đặt mua trước đó, làm phương tiện đi trộm.

Ngày 06/3/2024, V bị khởi tố điều tra.

* **Vật chứng và tài sản thu giữ gồm**:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003640, tên chủ xe Nguyễn Thanh V, biển số đăng ký 67M1-440.34;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 053341, tên chủ xe Nguyễn Thanh V, biển số đăng ký 67M1-115.67;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 038017, tên chủ xe Lê Văn D, biển số đăng ký 68D1-001.01;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003517, tên chủ xe Lê Thị Phượng H, biển số đăng ký 67M1-190.79;

- 01 (một) căn cước công dân tên Lê Văn D, sinh năm 1990, nơi thường trú: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang;

- 01 (một) USB dung lượng 32GB; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo 2015, số Imei 1: 864739049849357, Imei 2: 864739049849357, màu xanh đen, không có sim;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 8A, số Imei 1: 863265041155891, Imei 2: 86326504115590, màu đen, không có sim.

** Các Kết luận giám định số 978/KL-KTHS ngày 26/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh K và số 798/KL-KTHS ngày 24-6-2024, số 1274/KL-KTHS ngày 19-9-2024 của Phòng K Công an tỉnh A, kết luận*:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000998, biển số 67M1-800.69, mang tên Lê Thị Hồng P1; Địa chỉ: T, M, TS, AG; Nhãn hiệu: Honda, cấp ngày 26/01/2021 (Ký hiệu A1) là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003517, biển số 67M1-190.79, mang tên Lê Thị Hồng P1; Địa chỉ: T, M, TS, AG; Nhãn hiệu: Honda, cấp ngày 20/12/2014 (Ký hiệu A2) là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 038017, biển số 68D1-001.01, mang tên Lê Văn D; Địa chỉ: H, M, HĐ, KG; Nhãn hiệu: Honda, cấp ngày 08/12/2017 (Ký hiệu A3) là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 053341, tên chủ xe Nguyễn Thanh V, biển số đăng ký 67M1-115.67 (Ký hiệu A) là giả. Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003640, tên chủ xe Nguyễn Thanh V, biển số đăng ký 67M1-440.34 (Ký hiệu A) là giả.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKSTS ngày 26-12-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn truy tố Nguyễn Thanh V các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo điểm b, d, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu.

Bị hại bà Vũ Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Phượng H có mặt tại phiên tòa và khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Bị hại ông Trần Ngọc P, bà Đặng Thị Mỹ H1, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Thành T1; người làm chứng chị Thị Hồng G, anh Nguyễn Thanh Đ1, anh Trần Thanh H2, bà Nguyễn Thị Y, chị Trần Thị B, anh Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm b, d, đ khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo V từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*", từ 03 năm đến 04 năm tù về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" và tổng hợp hình phạt cho cả 03 tội bị cáo phải chấp hành là từ 07 năm đến 10 năm tù. Tổng hợp bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2024/HS-ST ngày 29-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 12 (*mười hai*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 15 (*mười lăm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị tiếp tục lưu hồ sơ vụ án vật chứng là những giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả; 01 USB dung lượng 32GB; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 2015 bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; trả lại cho Thị Hồng G 01 điện thoại di động hiệu RedmiA8 do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo V.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết trong vụ án khác, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, bị cáo không tranh luận bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bị hại ông Trần Ngọc P, bà Đặng Thị Mỹ H1, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Thành T1; người làm chứng chị Thị Hồng G, anh Nguyễn Thanh Đ1, anh Trần Thanh H2, bà Nguyễn Thị Y, chị Trần Thị B, anh Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng về thời gian, địa điểm, động cơ, mục đích, hậu quả của hành vi phạm tội, kết luận giám định cùng các tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Từ ngày 28-2-2023 đến ngày 22-7-2023 bị cáo thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô tại huyện H, tỉnh Kiên Giang và huyện T, tỉnh An Giang, để thực hiện mục đích bán và cầm xe trộm được bị cáo thực hiện 06 lần thuê người làm giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trộm được và tự bản thân làm giả căn cước công dân; sử dụng những giấy tờ giả này tạo lòng tin cho bị hại tin tưởng là giấy thật, mua và nhận cầm xe cho bị cáo. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 44.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" "*làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" và "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*", tội phạm và hình phạt được quy định tại theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341 và điểm b, d, đ khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của

người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường và uy tín của các Cơ quan Nhà nước, tổ chức, gây tâm lý lo lắng, hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc sử dụng và làm con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cuộc sống hàng ngày trong khoảng thời gian bị thất nghiệp mà bị cáo cố ý thuê người làm giả nhiều lần giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe và tự mình dán ảnh làm giả căn cước công dân để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét thấy: Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ và 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, vụ án có tính chất nghiêm trọng. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lẽ ra phải lao động tích cực, rèn luyện tu dưỡng để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội nhưng ngược lại, vì tham lam lợi ích cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc là cần thiết nhằm giáo dục, răn đe riêng và đấu tranh, phòng ngừa chung. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn đề nghị buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án vật chứng là những giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy là giả, 01 căn cước công dân tên Lê Văn D là giả, 01 usb dung lượng 32GB.

- Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh đen, không có sim; do bị cáo sử dụng điện thoại di động trên vào việc phạm tội.

- Trả lại cho Thị Hồng G 01 điện thoại di động hiệu Redmi 8A màu đen, không sim; do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với số tiền 44.500.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính được giải quyết trong các vụ án khác; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết trong các vụ án khác; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với người nhận làm giấy giả cho bị cáo chưa rõ nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

[10] Thị Hồng G không biết bị cáo làm và sử dụng giấy giả để lừa đảo nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự với vài trò đồng phạm là có căn cứ.

[11] Đối với những bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; không biết hành vi phạm tội của bị cáo nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phân tích về tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh V phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" và *" Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo 02 (*hai*) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo 02 (*hai*) năm tù về tội *" Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

3. Căn cứ điểm b, d, đ khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo 03 (ba) năm tù về tội *" Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 tội buộc bị cáo Nguyễn Thanh V phải chấp hành là 07 (bảy) năm tù.

Tổng hợp bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2024/HS-ST ngày 29-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 12 (*mười hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 22-7-2023.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 053341, tên chủ xe: Nguyễn Thanh V, biển số đăng ký 67M1-115.67;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 038017, tên chủ xe: Lê Văn D, biển số đăng ký 68D1-001.01;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 003517, tên chủ xe: Lê Thị Phượng Hồng, biển số đăng ký 67M1-190.79;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000998, tên chủ xe: Lê Thị Phượng Hồng, biển số đăng ký 67M1-800.69;

- 01 (một) căn cước công dân tên Lê Văn D, sinh năm 1990, nơi thường trú: áp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang;

- 01 (một) USB dung lượng 32GB;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 2015, số Imeil: 864739049849357, Imei 2: 864739049849357, màu xanh đen, không gắn sim.

Trả lại cho Thị Hồng G: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 8A, số Imei 1: 863265041155891, Imei2: 86326504115590, màu đen, không gắn sim (Tất cả đã qua sử dụng).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07-10-2024)

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo; bị hại bà Vũ Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Phượng H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Trần Ngọc P, bà Đặng Thị Mỹ H1, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Thành T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Phân trại Tạm giam khu vực Thoại Sơn thuộc Trại Tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Bé Thi